TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày: 15-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Quốc Huy– Kiểm sát viên.

Ngày 08 và 15 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HS ngày 22/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N; sinh năm 1975, tại Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số a, đường b, khóm c, Phường d, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N1 (chết) và bà Huỳnh Thị B (chết); có vợ Trần Thị Kim H và 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 07/09/2020 đến ngày 21/10/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N có người bạn tên Bia (không rõ họ tên thật) ở thành phố Hồ Chí Minh cùng nghề tài xế xe tải. Bia giới thiệu cho N làm quen với người đàn ông tên Mi (không rõ họ tên thật) ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ để nhận vận chuyển thuê thuốc lá điếu nhập lậu. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/7/2020, Mi gọi điện cho N bảo đến phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

gặp Mi nhận xe ô tô tải biển số 54S-2194 để đến khu vực xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp liên hệ với người đàn ông tên Ngà (không rõ họ tên thật, địa chỉ) nhận thuốc lá điếu nhập lậu và giao lại cho người phụ nữ tên Trúc (không rõ họ tên thật, địa chỉ) tại Trà Vinh với giá thuê 2.000.000đồng, N đồng ý.

N đến gặp Mi nhận xe ô tô rồi đến địa điểm hẹn để gặp Ngà nhận thuốc lá như đã thỏa thuận. Sau khi nhận được thuốc lá, N điều khiển xe ô tô từ xã An Phong, huyện Thanh Bình đi đến Trà Vinh. Khi đến địa phận đường 30/4 thuộc Phường 1, thành phố Cao Lãnh thì bị Phòng Cảnh sát Kinh tế phối hợp cùng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp và Công an Phường 1, thành phố Cao Lãnh tiến hành dừng, kiểm tra phương tiện xe ô tô tải biển số 54S-2194 do N điều khiển. Qua kiểm tra phát hiện trên xe đang vận chuyển 11.250 bao (loại 20điếu/bao) thuốc lá điếu nhập lậu các loại HERO, JET, SCOTT nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang lúc 03 giờ 00 phút ngày 04/7/2020 và tiến hành thu giữ các tang vật sau:

- 750 cây = 7.500 bao thuốc lá điếu hiệu HERO;

- 350 cây = 3.500 bao thuốc lá điếu hiệu JET;

- 25 cây = 250 bao thuốc lá điếu hiệu SCOTT;

- 30 bao chứa các loại;

- 15 bọc nylon các loại;

- 01 xe ô tô tải biển số 54S-2194, kèm theo giấy đăng ký xe ô tô do ông Trần Minh T đứng tên chủ sở hữu xe; Giấy chứng nhận kiểm định; Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô 54S-2194 và Giấy phép lái xe hạng C của Nguyễn Văn N;

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, model TA-1192, Imei 1: 357741105697567, Imei 2: 357741106697566.

Qua kiểm tra nội dung trong điện thoại Nokia của N thể hiện N sử dụng số thuê bao 0782.809.835 của N để liên lạc qua các số thuê bao của người tên Bia là 0902.602.132, của người tên Mi là 0766.936.425, của người tên Trúc là 0399.836.168 và của người tên Ngà là 0915.167.224. Tuy nhiên, N không biết rõ họ tên và địa chỉ của những người này. Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh người tên Mi và Ngà nhưng chưa làm việc được do không đủ thông tin về nhân thân. Riêng người tên Bia và Trúc chỉ có tên và chưa có thông tin cụ thể về nơi cư trú nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh. Đồng thời, Cơ quan điều tra có Công văn yêu cầu tra cứu thông tin của các số thuê bao này nhưng hiện chưa có kết quả trả lời.

Đối với xe ô tô 54S-2194 qua tra cứu xác định tên chủ sở hữu là Trần Minh T, địa chỉ 15H, KP5, phường T, Quận b, thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tên trong giấy đăng ký nhưng qua xác minh được Công an phường T xác nhận Trần Minh T thực tế không có cư ngụ tại địa chỉ trên. Xe này do Mi giao cho N để làm phương tiện vận chuyển, N không biết rõ chủ sở hữu là ai. Sau khi vận

chuyển xong thì có người đến gặp N nhận lại xe. Ngày 20/10/2020, Cơ quan điều tra đã Thông báo truy tìm chủ sở hữu xe ô tô biển số 54S-2194 đúng theo quy định nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ nhận lại xe.

Trong quá trình điều tra bị cáo N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Cáo trạng số: 17/CT-VKS-TPCL ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận: Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Vận chuyển hàng cấm"*. Do đó, Viện kiểm sát giữ N quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"*.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N với mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên như phần quyết định của Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo là xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội và điều luật áp dụng để định tội. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 03 giờ ngày 04/7/2020, tại đoạn đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi điều khiển xe ô tô tải biển số 54S-2194 vận chuyển 11.250 bao (loại 20

điếu/bao) thuốc lá điếu nhập lậu gồm 7.500 bao hiệu HERO, 3.500 bao hiệu JET và 250 bao hiệu SCOTT.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại. Bị cáo là người đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện là lỗi cố ý. Do vậy, với số lượng thuốc lá điếu nhập lậu mà bị cáo đã vận chuyển như trên thì bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội "Vận chuyển hàng cấm", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố, xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có khả năng nhận thức để hiểu được những quy định cấm đoán của pháp luật đối với mọi hành vi vận chuyển hàng cấm. Nhưng để hưởng lợi từ việc vận chuyển bị cáo đã bất chấp tất cả mà thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm, hành vi của bị cáo không chỉ nguy hiểm rất lớn cho xã hội mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây tác hại về nhiều mặt đến xã hội, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại. Do đó, cần phải trừng trị bị cáo thật nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, tạo niềm tin cho Nhân dân.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Do đó, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn cân nhắc đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu bị cáo phạm tội và N nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, muốn kiếm thu nhập để lo cho gia đình nên cần xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát để không chỉ đề cao hiệu quả phòng ngừa mà còn đảm bảo tính hướng thiện đối với người vi phạm.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy 11.250 bao thuốc lá điếu nhập lậu là hàng hóa cấm lưu hành, sử dụng và các vật chứng không còn giá trị.

- Trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe hạng C.

- Tiếp tục quản lý 01 xe ô tô tải biển số 54S-2194, kèm theo giấy đăng ký xe ô tô do ông Trần Minh T đứng tên chủ sở hữu xe; Giấy chứng nhận kiểm định; Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô do chưa xác định được chủ sở hữu. Nếu quá thời gian thông báo công khai mà chưa xác định được chủ sở hữu theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với Mi, Ngà, Trúc và Bia chưa làm việc được khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Ngoài hành vi phạm tội như trên, bị cáo N còn khai nhận vào ngày 30/6/2020, bị cáo còn vận chuyển thuê cho Mi khoảng 9.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu các loại để giao cho Trúc ở Trà Vinh và nhận tiền công là 2.000.000đồng, tiêu xài cá nhân hết. Tuy nhiên, chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo nên không đủ căn cứ xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ thời giam đã tạm giam bị cáo từ ngày 07/9/2020 đến ngày 21/10/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tài sản sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, model: TA-1192.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là hàng hóa cấm lưu hành, sử dụng và không còn giá trị gồm:

+ 7.500 bao thuốc lá điếu hiệu HERO;

+ 3.500 bao thuốc lá điếu hiệu JET;

+ 250 bao thuốc lá điếu hiệu SCOTT;

+ 30 bao chứa các loại;

+ 15 bọc nylon các loại;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 790072005176, do Sở Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh cấp cho Nguyễn Văn N vào ngày 05/6/2018.

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tiếp tục quản lý 01 xe ô tô tải biển số 54S-2194, chủ xe tên Trần Minh T cùng các giấy tờ kèm theo xe gồm: 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 1927914; 01 giấy đăng ký xe ô tô, số 0027164; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 190344561 do chưa xác định được chủ sở hữu, sau thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo công khai (ngày 28/12/2020) mà không xác định được ai là chủ sở hữu thì tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự.

Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và chi tiết vật chứng được thể hiện cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2021.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- CQ CSĐT CA TP. Cao Lãnh;
- CQ THAHS CA TP. Cao Lãnh;
- Bộ phận HSNV CA TP. Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân